

Quảng Trị, ngày 10 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO CÔNG KHAI VIỆC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị; Địa chỉ: Số 52 đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

2. Người có tài sản đấu giá: Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Trị; Địa chỉ: Số 08 Văn Cao, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

3. Thông tin về tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất đối với 54 thửa đất ở thuộc dự án tạo quỹ đất Khu dân cư phía Đông Nam đường Cao Thắng tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị).

- Diện tích từ 160,0 m²/thửa đến 297,8 m²/thửa.
- Giá khởi điểm từ 1.328.000.000 đồng/thửa đến 5.503.344.000 đồng/thửa.
- Tổng số thửa đất: 54 thửa
- Tổng diện tích các thửa đất: 9.829,2 m².
- Tổng giá khởi điểm các thửa đất: 108.376.258.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn đồng).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

(Giá khởi điểm trên chưa bao gồm lệ phí trước bạ, phí, lệ phí và các chi phí khác phục vụ cho việc kê khai đăng ký quyền sử dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành).

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị (ODT).
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng của các thửa đất: Ôn định lâu dài.

4. Tiền đặt trước: Nộp 400.000.000 đồng/hồ sơ tham gia đấu giá/thửa đất hoặc 700.000.000 đồng/hồ sơ tham gia đấu giá/thửa đất, tùy theo từng thửa đất.

5. Hình thức, phương thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp (Bỏ phiếu trả giá 01 vòng duy nhất trong thời hạn nộp hồ sơ). Phương thức trả giá lên.

6. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá tài sản:

Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở, chấp hành tốt pháp luật đất đai và Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 của Chủ tịch UBND phường Đồng Thuận về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 54 thửa đất ở thuộc dự án tạo quỹ đất Khu dân cư phía Đông Nam đường Cao Thắng tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng

Hới (nay là phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị) trực tiếp nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ tại trụ sở của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị.

7. Thời gian, địa điểm thực hiện các thủ tục đấu giá:

a) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, đăng ký tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá và nhận phiếu trả giá của người tham gia đấu giá: Từ 07^h30' ngày 11/9/2026 đến 16^h30' ngày 28/9/2026 tại trụ sở Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị (Thực hiện trong giờ hành chính các ngày làm việc).

b) Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07^h30' ngày 11/9/2026 đến 16^h30' ngày 28/9/2026. Tiền đặt trước nộp vào tài khoản số 113626782222 của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (*Lưu ý: Tiền đặt trước phải **báo có** trong tài khoản Trung tâm chậm nhất đến 16^h30' ngày 28/9/2026*).

c) Thời gian, địa điểm xem tài sản: Từ ngày 21/9/2026 đến ngày 23/9/2026 tại nơi có tài sản. Khách hàng có nhu cầu liên hệ Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản (trước ngày 21/9/2026) để sắp xếp, bố trí thời gian cụ thể đi xem tài sản (Thực hiện trong giờ hành chính các ngày làm việc).

d) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi công bố giá: Vào lúc **08^h00'** ngày **01/10/2026** tại Hội trường Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị. Trường hợp số lượng người tham gia đấu giá vượt quá sức chứa của hội trường, Trung tâm sẽ có thông báo về việc thay đổi địa điểm tổ chức buổi công bố giá.

Mọi chi tiết xin liên hệ tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị; Điện thoại 0232.3 856585 (Gặp Đấu giá viên Lê Thị Lan) hoặc tham khảo tại Website Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị: <https://daugia.quangtri.gov.vn/>.

Nơi nhận:

- Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Trị;
- Báo Quảng Trị (đăng ngày 11/9/2026);
- Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- Website Sở Tư pháp Quảng Trị;
- Website Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Trị;
- Website UBND phường Đồng Thuận;
- Website Trung tâm DV Đấu giá tài sản tỉnh Quảng Trị;
- Lưu HS, VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Lê Sơn

PHỤ LỤC CHI TIẾT

Quyền sử dụng đất đối với 54 thửa đất ở thuộc dự án tạo quỹ đất Khu dân cư phía Đông Nam đường Cao Thắng tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị)

(Kèm theo Thông báo công khai việc đấu giá tài sản số 2873/TB-ĐGTS ngày 10/9/2026 của Trung tâm DVĐGTS)

1. Các lô đất ký hiệu từ OM2.2 đến OM2.11, từ OM4.2 đến OM4.16

STT	Ký hiệu lô đất	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Diện tích (m ²)	Tên đường	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ mời TGDG (đồng)	Ghi chú
1	OM2.2	654	39	160,0	Đường có mặt cắt ngang 10,5m	1.328.000.000	400.000.000	200.000	
2	OM2.3	655	39	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
3	OM2.4	685	39	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
4	OM2.5	686	39	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
5	OM2.6	687	39	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
6	OM2.7	658	39	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
7	OM2.8	659	39	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
8	OM2.9	840	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
9	OM2.10	839	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
10	OM2.11	838	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
11	OM4.2	980	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
12	OM4.3	868	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
13	OM4.4	869	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
14	OM4.5	870	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
15	OM4.6	871	33	160,0	Đường có mặt cắt ngang 10,5m	1.328.000.000	400.000.000	200.000	
16	OM4.7	985	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
17	OM4.8	986	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
18	OM4.9	872	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
19	OM4.10	873	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
20	OM4.11	874	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
21	OM4.12	875	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
22	OM4.13	876	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
23	OM4.14	877	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
24	OM4.15	878	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	
25	OM4.16	879	33	160,0		1.328.000.000	400.000.000	200.000	

Cộng (25 lô)		4.000,0		33.200.000.000			
---------------------	--	----------------	--	-----------------------	--	--	--

2. Các lô đất có ký hiệu OM2.12, OM2.26, OM3.1, OM3.7, OM4.1, OM4.17, OM4.18, OM4.34

STT	Ký hiệu lô đất	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Diện tích (m ²)	Tên đường	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ mời TGDG (đồng)	Ghi chú
1	OM2.12	837	33	297,8	Đường có mặt cắt ngang 22,5m	5.503.344.000	700.000.000	300.000	2 mặt tiền
2	OM2.26	831	33	297,8		5.503.344.000	700.000.000	300.000	2 mặt tiền
3	OM3.1	975	33	197,5		3.649.800.000	700.000.000	200.000	2 mặt tiền
4	OM3.7	973	33	238,0		4.398.240.000	700.000.000	200.000	2 mặt tiền
5	OM4.1	979	33	227,5		4.204.200.000	700.000.000	200.000	2 mặt tiền
6	OM4.17	880	33	227,5	Đường có mặt cắt ngang 22,5m	4.204.200.000	700.000.000	200.000	2 mặt tiền
7	OM4.18	977	33	227,5		4.204.200.000	700.000.000	200.000	2 mặt tiền
8	OM4.34	865	33	227,5		4.204.200.000	700.000.000	200.000	2 mặt tiền
Cộng (8 lô)				1.941,1		35.871.528.000			

3. Các lô đất ký hiệu từ OM3.2 đến OM3.6, OM2.19, từ OM4.19 đến OM4.23, từ OM4.26 đến OM4.33

STT	Ký hiệu lô đất	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Diện tích (m ²)	Tên đường	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ mời TGDG (đồng)	Ghi chú
1	OM2.19	650	39	160,0	Đường có mặt cắt ngang 15m	1.680.000.000	400.000.000	200.000	
2	OM3.2	846	33	210,0		2.205.000.000	700.000.000	200.000	
3	OM3.3	847	33	210,0		2.205.000.000	700.000.000	200.000	
4	OM3.4	848	33	225,0		2.362.500.000	700.000.000	200.000	
5	OM3.5	849	33	225,0		2.362.500.000	700.000.000	200.000	
6	OM3.6	850	33	223,0		2.341.500.000	700.000.000	200.000	
7	OM4.19	978	33	160,0		1.680.000.000	400.000.000	200.000	
8	OM4.20	855	33	160,0		1.680.000.000	400.000.000	200.000	
9	OM4.21	856	33	160,0		1.680.000.000	400.000.000	200.000	
10	OM4.22	857	33	160,0		1.680.000.000	400.000.000	200.000	

11	OM4.23	981	33	160,0	Đường có mặt cắt ngang 15m	1.680.000.000	400.000.000	200.000	
12	OM4.26	984	33	240,0		2.520.000.000	700.000.000	200.000	
13	OM4.27	858	33	160,0		1.680.000.000	400.000.000	200.000	
14	OM4.28	859	33	160,0		1.680.000.000	400.000.000	200.000	
15	OM4.29	860	33	160,0		1.680.000.000	400.000.000	200.000	
16	OM4.30	861	33	160,0		1.680.000.000	400.000.000	200.000	
17	OM4.31	862	33	160,0		1.680.000.000	400.000.000	200.000	
18	OM4.32	863	33	160,0		1.680.000.000	400.000.000	200.000	
19	OM4.33	864	33	160,0		1.680.000.000	400.000.000	200.000	
Cộng (19 lô)				3.413,0		35.836.500.000			

4. Các lô đất ký hiệu từ OM3.8 đến OM3.9

STT	Ký hiệu lô đất	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Diện tích (m ²)	Tên đường	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ mời TGĐG (đồng)	Ghi chú
1	OM3.8	842	33	270,9	Đường có mặt cắt ngang 9m	1.977.570.000	400.000.000	200.000	
2	OM3.9	843	33	204,2		1.490.660.000	400.000.000	200.000	
Cộng (02 lô)				475,1		3.468.230.000			
Tổng cộng (54 lô)				9.829,2		108.376.258.000			